

V-E TRASLATION-DỊCH VIỆT ANH

No	Vietnamese	English
1	Anh ấy chạy rất nhanh.	*He runs fast.*
2	Họ nói tiếng anh rất giỏi.	
3	Những bạn trai đang đánh trống rất to (play drum: đánh trống)	
4	Bố tôi làm việc rất chăm chỉ (chăm chỉ: hard)	
5	Peter là một cậu bé cẩn thận. Cậu ấy thường đi xe đạp rất chậm chạp.	
6	Trò chơi đó rất nguy hiểm.	
7	Những học sinh có thể làm bài kiểm tra đó một các dễ dàng.	
8	Hôm qua tôi đã đi học muộn.	
9	Mẹ tôi thường thức dậy sớm vào buổi sáng.	
10	Nhìn này! Em bé đang cười rất hạnh phúc.	
11	Anh ta đang bước vào phòng một cách chậm chạp.	
12	Cô ấy đã vượt qua kỳ thi một cách dễ dàng.	

LIVEWORKSHEETS